

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/KDTM-PT
Ngày 23/7/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cường;

Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2025/TLPT-KDTM ngày 21/5/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2025/QĐ-PT ngày 11/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10272/2025/QĐ-PT ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: thửa đất số 501, tờ bản đồ số 3, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: số D KL đường V, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Dương Thị Kim O, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: số A đường D, khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2025). Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:*

Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S) bán cho Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là Công ty K) mặt hàng thùng carton. Hai bên không ký hợp đồng mua bán mà căn cứ vào từng đơn hàng của Công ty K đặt hàng qua điện thoại và Z.

Trong tháng 8/2023, ngày 02/10/2023, ngày 31/10/2023 và ngày 30/12/2023, theo đơn đặt hàng của Công ty K, Công ty S đã giao đầy đủ mặt hàng thùng carton theo yêu cầu của Công ty K và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K bao gồm 04 hóa đơn: số 381 ngày 30/8/2023 với số tiền 178.734.949 đồng, hóa đơn số 434 ngày 02/10/2023 với số tiền là 107.545.608 đồng, hóa đơn số 501 ngày 31/10/2023 với số tiền là 156.772.022 đồng và hóa đơn số 610 với số tiền là 1.977.322 đồng. Công ty K đã xác nhận công nợ đến ngày 31/10/2023 với tổng số tiền là 443.052.579 đồng. Đồng thời, Công ty K đưa ra phương án thanh toán như sau: ngày 25/11/2023 thanh toán số tiền nợ tháng 08/2023 là 178.734.949 đồng và ngày 25/12/2023 thanh toán tiền nợ tháng 10/2023.

Sau khi xác nhận công nợ, Công ty K đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 228.734.949 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 25/11/2023, thanh toán số tiền 99.997.800 đồng (thanh toán cho hóa đơn số 381).

Ngày 27/02/2024, thanh toán số tiền 78.734.949 đồng (thanh toán cho hóa đơn số 381).

Ngày 14/6/2024, thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (thanh toán cho hóa đơn số 434).

Dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng từ ngày 14/6/2024, Công ty K không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Công ty S. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty K phải thanh toán số tiền nợ là 216.294.962 đồng.

Ngày 11/02/2024, Công ty S có đơn khởi kiện bổ sung buộc Công ty K phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tính đến hết tháng 9/2024 là 16.157.232 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty S xác định, số tiền gốc Công ty K còn nợ là 216.297.152 đồng, do nhầm lẫn trong việc tính toán tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 216.294.962 đồng. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, buộc Công ty K phải thanh toán số tiền nợ gốc là 216.294.962 đồng và phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền gốc là 216.294.962 đồng, từ tháng 01/2024 đến hết tháng 3/2025 (là 15 tháng), mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền lãi là 26.928.722 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi Công ty S yêu cầu Công ty K phải thanh toán là 243.223.684 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảng xác nhận công nợ phát sinh đến 31/10/2023, các hóa đơn giá trị gia tăng bao gồm: hóa đơn số 381 ngày 30/8/2023, hóa đơn số 434 ngày 02/10/2023, hóa đơn số 501 ngày 31/10/2023 và hóa đơn số 610 ngày 30/12/2023.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K là bà Dương Thị Kim O trình bày:*

Công ty K thừa nhận có mua mặt hàng thùng carton của Công ty S từ tháng 8/2023. Hai bên không ký hợp đồng mua bán, Công ty K có nhận hàng và Công ty S có xuất các hóa đơn: hóa đơn số 381 ngày 30/8/2023 với số tiền 178.734.949 đồng, hóa đơn số 434 ngày 02/10/2023 với số tiền là 107.545.608 đồng, hóa đơn số 501 ngày 31/10/2023 với số tiền là 156.772.022 đồng và hóa đơn số 610 ngày 30/12/2023 với số tiền là 1.977.322 đồng. Công ty K có xác nhận công nợ phát sinh đến ngày 31/10/2023 và có đưa ra phương án thanh toán: ngày 25/11/2023 thanh toán số tiền nợ tháng 08/2023 là 178.734.949 đồng và ngày 25/12/2023 thanh toán tiền nợ tháng 10/2023. Công ty K đã trả cho Công ty S số tiền 228.734.949 đồng theo các chứng cứ là Giấy báo có mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, hiện nay Công ty K còn nợ Công ty S số tiền 216.297.152 đồng.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại thì bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng nhưng Công ty S không chứng minh được cụ thể ngày giao hàng là ngày nào. Hơn nữa, Công ty S có văn bản đề nghị Công ty K thanh toán nợ nhưng không gửi yêu cầu thanh toán nêu trên cho Công ty K. Do đó, chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty K nên Công ty K không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với Công ty K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 243.223.684 đồng, trong đó nợ gốc là 216.294.962 đồng và tiền nợ lãi là 26.928.722 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 17/4/2025, bị đơn Công ty K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2025, người đại diện của bị đơn đề nghị phương án hòa giải, cụ thể như sau: Bị đơn đồng ý thanh toán toàn bộ nợ gốc, nhưng chia thành 4 đợt thanh toán: Đợt 1 trong tháng 8/2025 thanh toán 66.294.962 đồng, đợt 2 trong tháng 10/2025 thanh toán 50.000.000 đồng, đợt 3 trong tháng 12/2025 thanh toán 50.000.000 đồng và đợt 4 trong tháng 02/2026 thanh toán 50.000.000 đồng; đề nghị không thanh toán tiền lãi chậm trả.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với đề xuất hòa giải của bị đơn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Công ty TNHH K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về kiến nghị khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, bị đơn có trụ sở tại Phường T, Thành phố T, Tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[3] Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập hợp lệ và có mặt tại phiên tòa.

[4] Xét thấy, Công ty K có xác nhận công nợ phát sinh đến ngày 31/10/2023 và có đưa ra phương án thanh toán: ngày 25/11/2023 thanh toán số tiền nợ tháng 08/2023 là 178.734.949 đồng và ngày 25/12/2023 thanh toán tiền nợ tháng 10/2023. Trên thực tế, Công ty K đã trả cho Công ty S số tiền 228.734.949 đồng (ngày 25/11/2023, thanh toán cho hóa đơn số 381 số tiền 99.997.800 đồng; ngày 27/02/2024, thanh toán cho hóa đơn số 381 số tiền 78.734.949 đồng và ngày 14/6/2024, thanh toán cho hóa đơn số 434 số tiền 50.000.000 đồng). Công ty K còn nợ Công ty S số tiền 216.297.152 đồng. Công ty K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, Công ty S yêu cầu Công ty K phải thanh toán số tiền gốc là 216.294.962 đồng (ít hơn số tiền gốc còn nợ là 2.190 đồng) có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty S yêu cầu Công ty K thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 01/2024 đến hết tháng 3/2025 (15 tháng), mức lãi suất là 0,83% là 26.928.722 đồng. Căn cứ quy định về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại và kết quả xác minh lãi suất nợ quá hạn trung bình tại ba Ngân hàng tại địa phương, cụ thể Ngân hàng P, Ngân hàng thương mại cổ phần S1, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì mức lãi suất quá hạn Công ty K phải trả cho Công ty S được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 12,8%/năm (tức là 1,1%/tháng). Công ty S yêu cầu 0,83%/tháng là thấp hơn mức lãi suất chậm thanh toán trung bình của 03 ngân hàng tại thời điểm xác minh của Tòa án sơ thẩm. Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ tháng 01/2024 đến hết tháng 3/2025 với số tiền lãi là 26.928.722 đồng là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là đúng, không làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[6] Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty K phải chịu án phí phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 148, Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH K; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 243.223.684 đồng, trong đó nợ gốc là 216.294.962 đồng và tiền nợ lãi là 26.928.722 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH K phải chịu 12.161.184 đồng.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 8.407.000 đồng tạm ứng án phí còn lại theo Biên lai thu số 0004794 ngày 03/12/2024 và số 0004959 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH K phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002554 ngày 29/4/2025 và 0002645 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GDKT 1);
- VKSND TP.HCM cơ sở 2;
- TAND khu vực 17 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 17 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA (9). (58)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Lực